

Số: /KH-UBND

Hải Dương, ngày tháng 7 năm 2021

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, nhất quán Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19, góp phần phục hồi sản xuất, kinh doanh giảm thiểu những tác động tiêu cực của đại dịch, ổn định sản xuất, kinh doanh, đảm bảo đời sống và an toàn cho người lao động trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Việc hỗ trợ phải bảo đảm đúng, đủ đối tượng, đến tận tay đối tượng được thụ hưởng, không trùng lặp, không bỏ sót đối tượng.

- Xác định rõ trách nhiệm của các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (dưới đây viết tắt là UBND cấp huyện), Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (dưới đây viết tắt là UBND cấp xã) và các tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc triển khai thực hiện.

- Triển khai thực hiện hỗ trợ đảm bảo đúng quy định theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Trung ương, tỉnh; bảo đảm yêu cầu an toàn về phòng, chống dịch Covid-19.

- Các cấp, các ngành tăng cường công tác kiểm tra, giám sát tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao; kịp thời phát hiện, xử lý các vướng mắc phát sinh thuộc thẩm quyền hoặc báo cáo UBND tỉnh để có ý kiến chỉ đạo thực hiện.

II. NGUYÊN TẮC HỖ TRỢ

1. Bảo đảm hỗ trợ kịp thời, đúng đối tượng, công khai, minh bạch, không để lợi dụng, trục lợi chính sách.

2. Đảm bảo các điều kiện thuận lợi để các đối tượng thụ hưởng dễ dàng tiếp cận và được thực hiện chính sách.

3. Bảo đảm tính khả thi, hiệu quả của các chính sách và nguồn lực để thực hiện. Mỗi đối tượng chỉ được hưởng một lần trong một chính sách hỗ trợ. Người lao động được hỗ trợ một lần bằng tiền (*trừ các đối tượng hưởng chính sách bổ sung quy định tại điểm 1.7, điểm 1.8 mục III Kế hoạch này*) chỉ được hưởng một chế độ hỗ trợ; không hỗ trợ đối tượng tự nguyện không tham gia.

4. Phát huy tính chủ động của các cấp, các ngành, địa phương, căn cứ vào điều kiện cụ thể để linh hoạt triển khai, đảm bảo mục tiêu, nguyên tắc và kịp thời các chính sách hỗ trợ.

5. Đối tượng đồng thời đủ điều kiện hưởng chính sách hỗ trợ quy định tại Kế hoạch này và chính sách hỗ trợ theo quy định của địa phương thì chỉ được hưởng một chính sách hỗ trợ cao nhất.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Đối tượng được hỗ trợ

1.1. Chính sách giảm mức đóng bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

Người sử dụng lao động được áp dụng mức đóng bằng 0% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp trong 12 tháng (thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022) cho người lao động thuộc đối tượng áp dụng chế độ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (trừ cán bộ, công chức, viên chức, người thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, người lao động trong các cơ quan của Đảng, Nhà nước, cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập được hưởng lương từ ngân sách nhà nước). Người sử dụng lao động hỗ trợ toàn bộ số tiền có được từ việc giảm đóng Quỹ Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho người lao động phòng chống COVID-19.

1.2. Chính sách tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất

Người sử dụng lao động đã đóng đủ bảo hiểm xã hội hoặc đang tạm dừng đóng vào Quỹ hưu trí và tử tuất đến hết tháng 4 năm 2021 mà bị ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 dẫn đến phải giảm từ 15% lao động tham gia bảo hiểm xã hội trở lên so với thời điểm tháng 4 năm 2021 (kể cả lao động ngừng việc, tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, thỏa thuận nghỉ không hưởng lương) thì người lao động và người sử dụng lao động được tạm dừng đóng vào quỹ hưu trí và tử tuất 06 tháng kể từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị. Đối với trường hợp đã được giải quyết tạm dừng đóng theo Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 và Nghị quyết số 154/NQ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính

phủ, nếu đủ điều kiện thì vẫn được giải quyết nhưng tổng thời gian tạm dừng đóng không quá 12 tháng.

1.3. Chính sách hỗ trợ đào tạo duy trì việc làm cho người lao động

Người sử dụng lao động được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề từ Quỹ bảo hiểm thất nghiệp khi đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động từ đủ 12 tháng trở lên tính đến thời điểm đề nghị hỗ trợ; thay đổi cơ cấu công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật Lao động; có doanh thu của quý liền kề trước thời điểm đề nghị hỗ trợ giảm từ 10% trở lên so với cùng kỳ năm 2019 hoặc năm 2020; có phương án hoặc phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp có phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo quy định. Mức hỗ trợ tối đa là 1.500.000 đồng/người lao động/tháng và thời gian hỗ trợ tối đa 06 tháng. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ được nộp trong thời gian từ ngày 01 tháng 7 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2022.

1.4. Chính sách hỗ trợ người lao động tạm hoãn hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương

Người lao động làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc chi đầu tư và chi thường xuyên, cơ sở giáo dục dân lập, tư thục ở cấp giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp bị tạm dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 có thời gian tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương trong thời hạn của hợp đồng lao động từ 15 ngày liên tục trở lên, tính từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021 và thời điểm bắt đầu tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021; đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm ngay trước khi tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động, nghỉ việc không hưởng lương được hỗ trợ một lần như sau: Từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng mức 1.855.000 đồng/người; từ 01 tháng trở lên mức 3.710.000 đồng/người.

1.5. Chính sách hỗ trợ người lao động ngừng việc

Người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động bị ngừng việc theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động và thuộc đối tượng phải cách ly y tế hoặc trong các khu vực bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền từ 14 ngày trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021; đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm ngay trước khi ngừng việc được hỗ trợ một lần 1.000.000 đồng/người.

1.6. Chính sách hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động

Người lao động làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên hoặc chi đầu tư và chi thường xuyên, cơ sở giáo dục dân lập, tư thục ở cấp giáo dục mầm non, mẫu giáo, tiểu học, trung

học cơ sở, trung học phổ thông, giáo dục nghề nghiệp chấm dứt hợp đồng lao động do phải dừng hoạt động theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021; đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp (trừ các trường hợp: Người lao động đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật; Hưởng lương hưu, trợ cấp mất sức lao động hằng tháng) được hỗ trợ một lần 3.710.000 đồng/người.

1.7. Chính sách hỗ trợ bổ sung và trẻ em

a) Người lao động tại điểm 4, 5, 6 Mục II theo Nghị quyết số 68/NQ-CP đang mang thai được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người; đang nuôi con hoặc chăm sóc thay thế trẻ em chưa đủ 06 tuổi được hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em chưa đủ 06 tuổi và chỉ hỗ trợ cho 01 người là mẹ hoặc cha.

b) Trẻ em phải điều trị do nhiễm COVID-19 hoặc cách ly y tế theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền được ngân sách nhà nước đảm bảo các chi phí điều trị và tiền ăn theo quy định tại điểm 8 Mục II Nghị quyết số 68/NQ-CP; được ngân sách nhà nước hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em trong thời gian điều trị, cách ly từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1.8. Mức hỗ trợ người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế.

Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với người phải điều trị nhiễm COVID-19 (F0), từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ theo thời gian điều trị thực tế nhưng tối đa 45 ngày.

Hỗ trợ tiền ăn mức 80.000 đồng/người/ngày đối với người phải thực hiện cách ly y tế (F1) theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, từ ngày 27 tháng 4 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021, thời gian hỗ trợ tối đa 21 ngày.

1.9. Chính sách hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật, hướng dẫn viên du lịch

Hỗ trợ một lần 3.710.000 đồng/người đối với đạo diễn nghệ thuật, diễn viên, họa sĩ giữ chức danh nghề nghiệp hạng IV trong các đơn vị sự nghiệp công lập hoạt động nghệ thuật biểu diễn (không bao gồm các đơn vị nghệ thuật lực lượng vũ trang) phải dừng hoạt động từ 15 ngày trở lên để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Hỗ trợ một lần, mức 3.710.000 đồng/người đối với hướng dẫn viên du lịch bị ảnh hưởng của đại dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1.10. Chính sách hỗ trợ hộ kinh doanh

Hộ kinh doanh có đăng ký kinh doanh, có đăng ký thuế và phải dừng hoạt động từ 15 ngày liên tục trở lên trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 được ngân sách nhà nước hỗ trợ một lần 3.000.000 đồng/hộ.

1.11. Chính sách cho vay trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất

a) Cho vay trả lương ngừng việc: Người sử dụng lao động được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội với lãi suất 0% và không phải thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay để trả lương ngừng việc đối với người lao động đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc phải ngừng việc từ 15 ngày liên tục trở lên theo quy định khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động, trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022. Người sử dụng lao động không có nợ xấu tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm đề nghị vay vốn. Mức cho vay tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng đối với số người lao động theo thời gian trả lương ngừng việc thực tế tối đa 03 tháng. Thời hạn vay vốn dưới 12 tháng.

b) Cho vay trả lương phục hồi sản xuất: Người sử dụng lao động phải tạm dừng hoạt động do yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để phòng, chống dịch COVID-19 trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022 khi quay trở lại sản xuất kinh doanh và người sử dụng lao động hoạt động trong lĩnh vực vận tải, hàng không, du lịch, dịch vụ lưu trú và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trong thời gian từ ngày 01 tháng 5 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 3 năm 2022 được vay vốn tại Ngân hàng Chính sách xã hội với lãi suất 0% và không phải thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay để trả lương cho người lao động làm việc theo hợp đồng lao động và đang tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc. Người sử dụng lao động không có nợ xấu tại tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại thời điểm đề nghị vay vốn. Mức cho vay tối đa bằng mức lương tối thiểu vùng đối với số người lao động đang làm việc theo hợp đồng lao động theo thời gian trả lương thực tế tối đa 03 tháng. Thời hạn vay vốn dưới 12 tháng.

1.12. Đối với lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác:

Giao Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và UBND các huyện, thị xã, thành phố, rà soát đối tượng, tham mưu, đề xuất nhóm đối tượng hỗ trợ cụ thể, xác định tiêu chí hỗ trợ, dự kiến mức tiền hỗ trợ đối với đối tượng lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác trên địa bàn tỉnh, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, trình Thường trực Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh theo quy định.

2. Mức hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ, thời gian hỗ trợ, trình tự, thủ tục thực hiện

2.1. Đối với nhóm từ 1.1 đến 1.11: Quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19.

2.2. Đối với nhóm 1.12: Thực hiện theo Quyết định của UBND tỉnh Hải Dương.

3. Thực hiện việc hỗ trợ

- Thực hiện hỗ trợ theo đúng đối tượng, mức hỗ trợ, hồ sơ, trình tự, thủ tục quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Thực hiện chi trả theo đúng thời gian quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg kể từ khi tiếp nhận hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

4. Phương thức chi trả

Nhóm đối tượng người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động quy định Chương III; người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương quy định tại Chương IV, người lao động ngừng việc quy định tại Chương V; người lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp quy định tại Chương VI; viên chức hoạt động nghệ thuật, hướng dẫn viên du lịch quy định tại Chương VIII và người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất quy định tại Chương X của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg: Chi trả thông qua tài khoản ngân hàng của đối tượng.

Các nhóm đối tượng hộ kinh doanh; trẻ em và người điều trị Covid-19, cách ly y tế: Chi trả trực tiếp hoặc qua tài khoản ngân hàng theo hình thức thanh toán do đối tượng đề nghị.

5. Hệ thống biểu mẫu

Khi trình UBND tỉnh phê duyệt, các cơ quan, đơn vị và UBND cấp huyện sử dụng mẫu tờ trình và danh sách đề nghị hỗ trợ theo mẫu số 1, ban hành kèm theo Kế hoạch này.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện

- Thực hiện phương châm “4 tại chỗ” theo chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban chỉ đạo Trung ương, Bộ Tài chính, Bộ Y tế, Chỉ đạo của Tỉnh ủy, các địa phương, đơn vị chủ động sử dụng nguồn dự phòng ngân sách địa phương (bao gồm cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã), 70% quỹ dự trữ tài chính của tỉnh, nguồn cải cách tiền lương còn dư (bao gồm cả 3 cấp tỉnh, huyện, xã), 20% tăng thu thường xuyên còn lại của năm 2020, 20% tăng thu thường xuyên của năm 2021 (nếu có) và các nguồn kinh phí hợp pháp khác để đảm bảo kinh phí

cho các hoạt động phòng, chống dịch Covid-19. Trường hợp các xã, phường, thị trấn khó khăn thiếu nguồn kinh phí, đề nghị tổng hợp đề nghị ngân sách cấp huyện xem xét hỗ trợ, trường hợp ngân sách cấp huyện khó khăn không còn nguồn để hỗ trợ thì tổng hợp báo cáo Sở Tài chính để báo cáo UBND tỉnh xem xét giải quyết.

- Nguồn vốn để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện cho người sử dụng lao động vay theo quy định tại Mục 11, Phần III Kế hoạch này là nguồn vay tái cấp vốn không có tài sản đảm bảo với lãi suất 0%/năm từ Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngân sách Nhà nước cấp phí quản lý từ nguồn đầu tư phát triển được quy định tại Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg theo quy định hiện hành về cơ chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội.

- Riêng kinh phí thực hiện đối với chính sách tại Mục 1.3, Phần III thực hiện từ nguồn Quỹ bảo hiểm thất nghiệp.

- Kinh phí thực hiện việc chuyển khoản, chuyển tiền qua bưu điện cho các đối tượng hỗ trợ (nếu có) được trích từ kinh phí hoạt động của UBND cấp huyện.

2. Quản lý kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước

Kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các đối tượng theo quy định tại Điểm 1 phần IV Kế hoạch này được lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công nhiệm vụ

1.1. Văn phòng UBND tỉnh

- Tham mưu cho Lãnh đạo tỉnh chỉ đạo các cơ quan, tổ chức, địa phương, đơn vị triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này.

- Tham mưu, trình Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối với đối tượng quy định tại Mục 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8, 1.9, 1.10, 1.12 Phần III Kế hoạch này, đồng thời chỉ đạo thực hiện chi trả hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định tại Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

1.2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tuyên truyền, hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này trên địa bàn toàn tỉnh đảm bảo công khai, đúng quy định.

- Tiếp nhận hồ sơ đề nghị, xem xét, quyết định hỗ trợ các đối tượng người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để

duy trì việc làm cho người lao động tại mục 1.3, Phần III của Kế hoạch này.

- Chỉ đạo Trung tâm Dịch vụ việc làm tiếp nhận hồ sơ đề nghị, tiến hành rà soát, tổng hợp danh sách người lao động chấm dứt hợp đồng lao động nhưng không đủ điều kiện hưởng trợ cấp thất nghiệp, chuyển hồ sơ đề Sở Lao động-TB&XH thẩm định trình UBND tỉnh quyết định hỗ trợ, quy định tại mục 1.6, phần III của Kế hoạch này.

- Chủ trì phối hợp với các sở ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các đơn vị có liên quan tổng hợp nhu cầu kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng hưởng theo Kế hoạch này trong toàn tỉnh gửi Sở Tài chính trình UBND tỉnh bố trí kinh phí.

- Kịp thời hướng dẫn hoặc đề xuất UBND tỉnh và cấp có thẩm quyền các giải pháp để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện.

- Thiết lập và công bố số điện thoại của Tổ công tác để tiếp nhận thông tin, giải đáp thắc mắc trong việc triển khai hỗ trợ cho các đối tượng liên quan tới nội dung chỉ đạo, hướng dẫn, thực hiện của ngành.

- Thực hiện nội dung tại mục 1.12, Phần III kế hoạch này, báo cáo đề xuất UBND tỉnh theo quy định.

1.3. Sở Y tế

- Triển khai và hướng dẫn các cơ sở y tế đang điều trị người nhiễm Covid-19(F0), và các cơ sở quản lý đối tượng phải cách ly y tế để phòng, chống Covid-19(F1) theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền tại cơ sở y tế, cơ sở cách ly trên địa bàn tỉnh lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ các đối tượng tại Điểm b mục 1.7 và 1.8 của Kế hoạch này, Chương VII của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Chỉ đạo các cơ sở y tế đang điều trị người nhiễm Covid-19 (F0), cơ sở cách ly y tế để phòng, chống Covid-19 (F1) do UBND tỉnh trưng dụng lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ các đối tượng theo quy định tại Điểm b, Mục 1.7 và Mục 1.8 Phần III Kế hoạch này gửi UBND tỉnh quyết định hỗ trợ.

- Chỉ đạo tổ chức thực hiện chi trả kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng theo quy định; thực hiện công tác kiểm tra, giám sát quá trình hỗ trợ đảm bảo đúng đối tượng, mức hỗ trợ theo quy định.

1.4. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Triển khai và hướng dẫn cho các đối tượng là viên chức hoạt động nghệ thuật làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng biểu diễn nghệ thuật, hướng dẫn viên du lịch có đủ điều kiện hỗ trợ nộp hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

- Tiếp nhận, thẩm định hồ sơ đề nghị, trình UBND tỉnh phê duyệt hỗ trợ đối tượng quy định tại Mục 1.9, Phần III Kế hoạch này.

1.5. Cục Thuế tỉnh

- Chủ trì phối hợp với cơ quan liên quan hướng dẫn, rà soát, xem xét thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ của hộ kinh doanh quy định tại Mục 1.10, Phần III Kế hoạch này và phối hợp với các cơ quan liên quan thẩm định hồ sơ đề nghị hỗ trợ của các đối tượng được phân công theo Kế hoạch.

- Chỉ đạo các Chi cục Thuế phối hợp với ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và cơ quan liên quan tiếp nhận hồ sơ, thẩm định, trình UBND cấp huyện tổng hợp.

1.6. Bảo hiểm xã hội tỉnh

- Chỉ đạo Bảo hiểm xã hội các huyện, thị xã, thành phố hướng dẫn cho người sử dụng lao động và người lao động đủ điều kiện được hỗ trợ chính sách thực hiện các thủ tục, hồ sơ liên quan; Tiếp nhận hồ sơ, tổ chức thực hiện chính sách tại Mục 1.1, 1.2, thực hiện chi trả chế độ hỗ trợ theo Quyết định của Giám đốc Sở Lao động Thương binh và Xã hội đối với đối tượng tại Mục 1.3, Phần III Kế hoạch này.

- Phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp, UBND cấp huyện và các cơ quan liên quan rà soát, đối chiếu, xác nhận danh sách người lao động đang tham gia Bảo hiểm xã hội thuộc diện được hưởng hỗ trợ.

1.7. Ngân hàng Nhà nước tỉnh

- Tổ chức triển khai, hướng dẫn Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh triển khai thực hiện hỗ trợ người sử dụng lao động vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất theo quy định tại Chương X của Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan theo dõi, kiểm tra, giám sát việc cho vay của Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh bảo đảm đúng quy định.

- Chỉ đạo các Ngân hàng thương mại trên địa bàn mở tài khoản cho người lao động và chi trả nhanh chóng, kịp thời cho các đối tượng theo quy định.

1.8. Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh

- Tuyên truyền, hướng dẫn cho người sử dụng lao động trên địa bàn gặp khó khăn do ảnh hưởng dịch Covid-19 thiết lập hồ sơ đề nghị vay vốn để trả lương ngừng việc, trả lương phục hồi sản xuất.

- Chỉ đạo, hướng dẫn Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện theo quy định.

- Tiếp nhận hồ sơ đề nghị vay vốn, thẩm định, phê duyệt cho vay sau khi nhận đủ hồ sơ vay vốn theo quy định tại mục 1.11, phần III của Kế hoạch này. Trường hợp không cho vay thì thông báo bằng văn bản nêu rõ lý do đến người sử dụng lao động.

1.9. Sở Tài chính

- Chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND cấp

huyện trình UBND tỉnh bố trí kinh phí và đề nghị Bộ Tài chính bố trí tạm ứng kinh phí (nếu cần) để đảm bảo nguồn kinh phí chi trả được kịp thời.

- Chủ trì hướng dẫn việc phân bổ, quản lý, sử dụng và thanh, quyết toán ngân sách nhà nước, kinh phí thực hiện hỗ trợ để triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Là cơ quan đầu mối tổng hợp số thực chi kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng được hưởng theo Kế hoạch này trong toàn tỉnh của các địa phương, đơn vị (có xác nhận của KBNN); tổng hợp tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ kinh phí từ ngân sách trung ương cho địa phương.

- Phối hợp Sở Lao động Thương binh và Xã hội thực hiện nội dung tại mục 1.12, Phần III kế hoạch này, báo cáo đề xuất UBND tỉnh theo quy định.

1.10. Sở Kế hoạch và đầu tư

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu UBND tỉnh cân đối, bố trí kinh phí thực hiện các chính sách theo Kế hoạch.

- Phối hợp tổ chức tuyên truyền cho các doanh nghiệp, tổ chức, đơn vị, hợp tác xã, hộ kinh doanh nắm rõ chính sách hỗ trợ đối với người sử dụng lao động và người lao động có quan hệ lao động.

- Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước tỉnh xử lý rủi ro theo quy định.

1.11. Đề nghị Ban tuyên giáo Tỉnh ủy, Sở Thông tin và truyền thông, Báo Hải Dương, Đài Phát thanh và truyền hình tỉnh

Chủ trì, chỉ đạo Báo Hải Dương, Đài Phát thanh truyền hình tỉnh, các cơ quan thông tấn, báo chí địa phương, trung ương thường trú trên địa bàn, công thông tin điện tử tỉnh tăng cường tổ chức phổ biến, tuyên truyền, thông tin, hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương, người lao động, người sử dụng lao động và nhân dân trên địa bàn tỉnh về các nội dung theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này.

1.12. Các sở, ban, ngành có liên quan

- Tích cực thông tin, tuyên truyền về các nội dung chính sách hỗ trợ của Nghị quyết số 68/NQ-CP; Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này đến các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan để biết và thực hiện.

- Triển khai, hướng dẫn các đơn vị, tổ chức, cá nhân thực hiện các nội dung theo Nghị quyết số 68/NQ-CP; Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này trong phạm vi và nội dung, nhiệm vụ có liên quan đến lĩnh vực do sở, ban, ngành quản lý.

1.13. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Hải Dương, Liên đoàn Lao động và các tổ chức chính trị - xã hội

- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh: chủ trì, phối hợp với các tổ chức thành viên, các sở, ngành, đoàn thể, địa phương tổ chức tuyên truyền, thông tin về Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế

hoạch này.

Chủ trì tổ chức giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid -19 theo quy định, đồng thời chỉ đạo Mặt trận Tổ quốc các cấp tổ chức giám sát việc thực hiện chính sách tại địa phương theo quy định.

Huy động, vận động, kết nối nguồn lực tài trợ của các tổ chức trong và ngoài nước, hợp tác quốc tế trong triển khai kế hoạch này.

- Liên đoàn lao động tỉnh

Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi các chính sách hỗ trợ theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này tới người lao động biết và thực hiện.

Chỉ đạo, hướng dẫn công đoàn cơ sở rà soát, kiểm tra, xác nhận thông tin trên bảng tổng hợp danh sách người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ không hưởng lương do người sử dụng lao động lập để đề nghị hỗ trợ cho người lao động.

1.14. UBND các huyện, thị xã, thành phố

- Chỉ đạo, quán triệt, tuyên truyền sâu rộng đến cấp xã, cơ quan, tổ chức, đơn vị và nhân dân trên địa bàn về Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này.

- Chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện, hướng dẫn chính sách hỗ trợ cho các đối tượng tại địa phương; rà soát, xác định đối tượng, thẩm định và trình UBND tỉnh phê duyệt danh sách hỗ trợ các đối tượng được phân công theo Mục 1.4, 1.5, 1.6, 1.7, 1.8 (đối với trường hợp F0, F1 đã kết thúc điều trị, hoàn thành cách ly tại cơ sở hoặc cách ly tại nhà), 1.9, 1.10, 1.12, Phần III Kế hoạch này; thực hiện các chính sách hỗ trợ cho các đối tượng trên địa bàn theo đúng quy định của nhà nước và hướng dẫn của cơ quan cấp tỉnh; tổ chức thực hiện chi trả kinh phí đối với các đối tượng được giao nhiệm vụ.

- Thành lập hội đồng thẩm định thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng gặp khó khăn do dịch Covid-19, thành phần: Chủ tịch UBND cấp huyện làm Chủ tịch hội đồng; Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng; Trưởng Phòng Kế hoạch Tài chính làm Phó chủ tịch hội đồng; các thành viên là lãnh đạo các phòng, bộ phận liên quan; ngoài ra, mời Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn Lao động huyện và đại diện một số tổ chức hội đoàn thể, Lãnh đạo và cán bộ thuộc Ban Quản lý các khu công nghiệp (đối với UBND các huyện, thành phố có KCN trên địa bàn) cùng tham gia.

- Quản lý chặt chẽ các nhóm đối tượng được Chính phủ trợ cấp trên địa bàn để kiểm tra, đối chiếu, thẩm định theo thẩm quyền; theo dõi cập nhật việc chi trả để có biện pháp hỗ trợ kịp thời, đề xuất những vấn đề mới phát sinh, giám sát chặt chẽ thực hiện quy trình, quy định về xét chọn các đối tượng.

- Chủ động sử dụng nguồn lực của địa phương theo quy định để thực hiện

các chính sách hỗ trợ theo Kế hoạch này. Trường hợp có khó khăn về nguồn ngân sách thì báo cáo Sở Tài chính để tổng hợp và trình cấp có thẩm quyền quyết định.

- Chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị có liên quan quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ theo Kế hoạch này đúng quy định.

- Chỉ đạo UBND cấp xã: Tuyên truyền Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và Kế hoạch này tới toàn thể nhân dân trên địa bàn; phối hợp với các cơ quan liên quan tiếp nhận hồ sơ, rà soát, xác định đối tượng được hưởng hỗ trợ theo Kế hoạch này đảm bảo đúng quy định; trực tiếp chi trả kinh phí đối với các đối tượng được giao nhiệm vụ; thành lập tổ công tác gồm đại diện chính quyền, cấp ủy Đảng, Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội để tổ chức triển khai, giám sát trong quá trình thực hiện.

- Hướng dẫn, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc các cơ quan chuyên môn, đơn vị trên địa bàn tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ người dân bị ảnh hưởng của dịch Covid-19, đảm bảo nội dung, tiến độ, yêu cầu của Kế hoạch này và quy định của pháp luật.

- Chủ tịch UBND cấp huyện chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và tính chính xác về danh sách đối tượng đề nghị hỗ trợ và kinh phí hỗ trợ trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt.

- Căn cứ điều kiện, tình hình thực tế của địa phương để khẩn trương rà soát, đề xuất hỗ trợ đối với lao động tự do, lao động đặc thù tại địa phương, quy định tại Mục 12, phần II, Nghị quyết số 68/NQ-CP, cụ thể: xác định đối tượng hỗ trợ, xác định tiêu chí hỗ trợ, dự kiến mức tiền hỗ trợ đối với đối tượng lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do) và một số đối tượng đặc thù khác, được quy định tại Mục 1.12 Phần III Kế hoạch này.

1.15. Các doanh nghiệp, hợp tác xã, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cơ sở y tế, cơ sở cách ly y tế, hộ kinh doanh, tổ chức, cá nhân có sử dụng lao động và người lao động

Chủ động tìm hiểu, nghiên cứu các chính sách hỗ trợ; đồng thời tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các nội dung liên quan tại Kế hoạch này đảm bảo đúng và tuân thủ quy định pháp luật.

2. Xử lý vi phạm

Giao các Sở, ngành và UBND cấp huyện căn cứ chức năng, nhiệm vụ tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 68/NQ-CP, Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg và của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Xử lý hoặc đề xuất xử lý các vi phạm theo quy định pháp luật.

3. Chế độ thông tin báo cáo

Định kỳ ngày thứ năm hàng tuần, các Sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thực hiện báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện, khó khăn, vướng mắc, đề xuất giải pháp đối với nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch

này gửi Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Sở Lao động Thương binh và Xã hội chủ trì tổng hợp, báo cáo Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND tỉnh tình hình và kết quả thực hiện các chính sách hỗ trợ cho đối tượng theo Kế hoạch này.

UBND tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành các địa phương khẩn trương, nghiêm túc triển khai thực hiện. Trong quá trình triển khai có vướng mắc báo cáo UBND tỉnh (Qua Sở Lao động Thương binh và Xã hội) để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận

- Bộ LĐTB&XH;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: VT. KGVX. Lai (25)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Minh Hùng